

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 28/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Việt dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 44

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật!

10. An Ân Quang

“An Ân Quang” tức là An Ôn Quang, thấy trong bản dịch thời Tống.

“An Ân” chính là thân an tâm ôn. Năm trước tám khổ không thể nào loạn, gọi là “an”; núi sập đất lún không lay động được, gọi là “ôn”. Trong bản dịch thời Ngụy gọi là “Diễm Vương Quang”, trong bài kệ của đại sư Đàm Loan gọi là “Quang Diễm Vương”, trong bản dịch thời Đường gọi là “Quang Chiếu Vương”. Bài kệ của đại sư Đàm Loan nói: “Phật quang chiếu diệu tốt bậc nhất, nên Phật có hiệu Quang Diễm Vương, ba cõi tám tối nhờ quang chiếu, cho nên đánh lễ đấng Đại Ứng Cúng”. Trong hai bản dịch thời Ngụy và Đường cùng lời tán thán của đại sư Đàm Loan, danh hiệu của quang minh này đều có chữ “vương”. Trong lời tán thán của đại sư lại nói “Phật quang chiếu diệu tốt bậc nhất”, chính là hiển thị quang minh của Di-đà là quang minh tôn quý nhất, chính là vua trong các quang minh. Nguyên nhân gọi là “vương” chủ yếu là vì chúng sanh ba đường ác khó cứu độ nhất, trong đường ác cực kỳ khổ sở nhất, nhờ quang minh khai sáng, lìa khổ được vui, thành tựu bồ-đề. Đây là đại nguyện độ sanh của chư Phật mười phương đã đạt đến đỉnh cao nhất.

Để hiển thị đức của quang minh này, bản dịch thời Tống dùng “An Ôn” làm tên. Chúng sanh thoát ly ba đường ác, vãng sanh Cực Lạc, không có các khổ, chỉ hưởng các điều vui, cho nên là “an”, ở cõi nước ấy thọ mạng vô lượng, chúng bất thoái chuyển, hết thấy ngoại duyên đều là tăng thượng duyên, chắc chắn giải thoát, nhờ quang minh mà thành Phật. Vạn người tu vạn người đi, vạn người đi vạn người chứng, cực an cực ôn. Đủ để chứng minh cho bi tâm, nguyện lực, trí tuệ, phương tiện của đức Di-đà viên mãn rốt ráo, vượt trội hết thấy, quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật.

Trong Tông Kính Lục nói: an ần vui vẻ tức là tịch tĩnh diệu thường. Đã tịch tĩnh lại còn diệu thường, là tịch mà thường chiếu; đã diệu thường lại còn tịch tĩnh, là chiếu mà thường tịch. Có thể thấy, an ổn quang chính là thường tịch quang. Cho nên các bản dịch thời Ngụy và Đường, trong danh hiệu của quang minh đều có chữ “vương”. Thường tịch quang là diệu đức của pháp thân Di-đà, vì thế có thể khiến chúng sanh trong ba đường ác nhờ quang minh mà lìa khổ, chúng sanh hướng về đạo nhờ quang minh mà thành Phật.

11. Siêu Nhật Nguyệt Quang

Bài kệ của đại sư Đàm Loan nói: “Quang minh chiếu diệu hơn nhật nguyệt, nên Phật có hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Phật Thích-ca khen còn không ngớt, nên con đánh lễ đấng Vô Đẳng Đẳng”.

Trong kinh Siêu Nhật Minh Tam-muội nói, quang minh của mặt trời có thể chiếu đến tất cả hữu hình, khiến vạn vật trong trời đất sanh trưởng, nhưng không thể chiếu đến thứ vô hình, không thể soi tỏ bản tâm của con người. Mặt trời lên, xua tan tăm tối, do vậy thấy được mọi vật, thế nhưng tâm của chính mình là gì? Chính mình không biết. Về phương diện này, mặt trời không hữu dụng. Tam-muội siêu nhật minh có thể chiếu khắp mười phương, hết thấy đều không chướng ngại được. Đối với Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và chúng hữu tình trong sáu cõi, đều có thể chiếu trọn hết, khiến họ sáng tỏ bản tâm. Tam-muội siêu nhật minh còn như vậy, hướng hồ quang minh của Di-đà vượt hơn hết thấy, đầy đủ tất cả tam-muội, cho nên quang minh của Phật còn có hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang.

12. Bất Tư Nghị Quang

Thấy trong hai bản dịch thời Đường và Tống. Bản dịch thời Ngụy là Nan Tư Quang.

Kệ của đại sư Đàm Loan nói: “Quang này ngoài Phật chẳng thể lường, nên Phật lại hiệu Nan Tư Quang. Chư Phật mười phương khen vãng sanh, xứng với công đức nên đánh lễ.”

Trong bài kệ chỉ ra: quang minh không thể nghĩ bàn của Phật, ngoài chư Phật ra, đại Bồ-tát cũng không thể đo lường. Vì thế kinh này nói: “Chẳng thể dùng lời lẽ và phân biệt mà có thể hiểu được”, chính là không thể nghĩ, không thể bàn. Ví như cõi Thật báo trang nghiêm tha thọ dụng của Phật, kiến giải của Bồ-tát ở mỗi địa cũng không như nhau, thứ hiện ra cũng không giống nhau. Còn về cõi Thật báo tự thọ dụng của Phật, thì hết thấy Bồ-tát cũng đều không thể biết. Bởi vì quang minh này ngoài Phật ra, hết thấy đại Bồ-tát không ai có thể đo lường,

không cách nào suy nghĩ, chẳng thể tuyên nói, cho nên gọi là Nan Tư Quang. Trong bản dịch thời Đường và Tống là “Bất Tư Nghị Quang”, không thể nghĩ bàn chính là bất khả tư nghị. Tên của kinh A-di-đà chính là kinh Xưng Tán Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm.

Trong kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà-ra-ni nói, lúc bấy giờ trong pháp hội “chư Phật mười phương nhiều như cát sông Hằng đều cùng nhau tán thán hết thủy Phật pháp trong thế giới An Lạc ấy không thể nghĩ bàn, hóa hiện thần thông, đủ loại phương tiện không thể nghĩ bàn. Nếu có người có thể tin việc như thế, nên biết người này không thể nghĩ bàn, nghiệp báo đạt được cũng không thể nghĩ bàn”. Điều này mang lại cho chúng ta - những người hiện nay có thể tin Tịnh tông, một sự chứng minh, một sự thọ ký. Chỉ cần bạn có thể tin thì bạn chính là không thể nghĩ bàn, quả báo bạn đạt được cũng không thể nghĩ bàn. Với thân phận phàm phu sanh đến thế giới Cực Lạc, chính là A-bệ-bạt-trí, đây thật sự là không thể nghĩ bàn, đây cũng chính là quả báo không thể nghĩ bàn. Bởi vì đây là pháp khó tin trong hết thủy thế gian, đối với pháp khó tin như vậy có thể sanh lòng tin, cho nên có công đức lớn đến như thế. Niệm danh hiệu của một đức Phật, hết thủy chư Phật đều đang hộ niệm. Người niệm Phật được chư Phật hộ niệm, trước hết được Bồ-tát Đại Thế Chí hộ niệm, A-di-đà Phật phái 25 vị Bồ-tát đến hộ trì bạn.

Còn có một câu nói cực kỳ quan trọng, cực kỳ thù thắng. Đại sư Ngẫu Ích nói trong Di-đà Yếu Giải: nếu hành nhân có thể tin sâu nguyện thiết, trì niệm Phật hiệu, bạn liền nhiếp thọ toàn bộ công đức của Phật thành công đức của chính mình. Toàn bộ công đức của Phật được nhiếp thọ thành công đức của mình, bản thân cũng đầy đủ công đức của Di-đà. Do vậy nói, lúc niệm Phật chính là lúc thành Phật. Đây chính là lợi ích công đức không thể nghĩ bàn, chính là “ban cho lợi ích chân thật” mà kinh này nói.

Cho nên, đại sư Ấn Quang khen ngợi sách Yếu Giải: nói đến lý, bàn về sự đều đạt đến cảnh giới tốt cùng. Kể từ khi Phật nói kinh này, đây là bộ chú giải đệ nhất, vi diệu đến tốt cùng, chính xác cũng đến tốt cùng. Dù cổ Phật tái lai đích thân chú giải cũng không thể cao minh hơn sách Yếu Giải. Đại sư Ấn Quang quả thật là tri âm của đại sư Ngẫu Ích.

Thế nên, mọi người thật sự muốn thành tựu, thì hãy nghiên cứu Di-đà Yếu Giải nhiều hơn, thường xuyên xem sách này, tu hành như lời dạy, nhất định ở trong quang minh “không thể nghĩ bàn”, nhiếp trọn công đức không thể nghĩ bàn của A-di-đà Như Lai trở thành công đức của chính mình.

Đoạn này là lời của Hoàng Niệm lão nói, bạn đã cảm nhận được lòng từ bi vô hạn của ngài chưa?

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Quang minh như vậy, chiếu khắp hết thủy thế giới mười phương, nếu có chúng sanh, gặp được quang minh này, cầu diệt thiện sanh, thân ý nhu nhuyễn. Nếu ở nơi cực đau khổ trong ba đường ác, thấy được quang minh này, thì đều được dừng khổ, mạng chung đều được giải thoát. Nếu có chúng sanh, nghe được uy thần công đức của quang minh này, ngày đêm khen nói, chí tâm không ngớt, tùy theo ý nguyện, được sanh về nước ấy.

Đoạn kinh văn này được chia làm ba đoạn nhỏ để giải thích:

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Quang minh như vậy, chiếu khắp hết thủy thế giới mười phương, nếu có chúng sanh, gặp được quang minh này, cầu diệt thiện sanh, thân ý nhu nhuyễn.”

Mười hai loại quang minh vi diệu thù thắng nói trên, chiếu rọi đến khắp hết thủy thế giới mười phương. Phật quang tuy bình đẳng chiếu khắp thế giới mười phương, nhưng người có thể thấy được Phật quang, vẫn là vô cùng hiếm có. Vì thế trong kinh nói: “Nếu có chúng sanh, gặp được quang minh này.” Phật quang đã chiếu khắp, vậy tại sao có chúng sanh gặp được, có chúng sanh lại không gặp được? Có thể lấy một ví dụ, ví như máy thu âm thường dùng, đài phát thanh phát ra sóng điện từ của tiết mục đến khắp mọi nơi, các phương Đông Tây Nam Bắc đều có thể thu được, nhưng ăng-ten của máy thu thanh, các loại linh kiện gặp sự cố, hoặc chưa điều chỉnh tốt, thậm chí chỉ cần một sợi dây kết nối không tốt thì sẽ không thu được. Sóng điện từ ví cho Phật quang thường chiếu khắp nơi, máy thu âm gặp sự cố, tỉ dụ cho chúng sanh không gặp được quang minh.

Lại ví dụ nói, chúng sanh căn cơ tương đối kém thì giống như đầu đội một cái chậu, tuy có quang minh chiếu khắp, nhưng không thể nhìn thấy quang minh, thì cũng giống như không gặp vậy. Nếu gặp được Phật quang, trần cấu của bạn liền tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng. Cho nên trong kinh nói “cầu diệt thiện sanh”, lại còn “thân ý nhu nhuyễn”. Người ở thế giới này của chúng ta, càng cường khó hóa độ, tình kiên kiên cố, thà bỏ mạng cũng không bỏ kiên chấp, mười loại kiến hoặc, rễ sâu gốc chắc, đối với sự giáo hóa vượt ngoài tình kiến của Phật, họ không thể tin nhận, do vậy, nếu trở nên nhu nhuyễn thì dễ dàng giáo hóa.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Nếu ở nơi cực đau khổ trong ba đường ác, thấy được quang minh này, thì đều được dừng khổ, mạng chung đều được giải thoát. Nếu có chúng sanh, nghe được uy thần công đức của quang minh này, ngày đêm khen nói, chí tâm không ngớt.”

Nếu ở nơi đau khổ nhất trong ba đường ác, “thấy được quang minh này, thì đều được dừng khổ”. Quan trọng hơn là “mạng chung đều được giải thoát”, lúc thọ mạng chịu khổ của kỳ hạn này kết thúc, họ đều có thể lập tức được giải thoát. Bằng không, một phen thọ báo ở ba đường ác là năm ngàn kiếp, ngày nào mới là ngày giải thoát. Cho nên, chúng sanh nếu có thể nghe và biết được quang minh thù thắng của 12 quang Phật, cho đến uy thần công đức của quang minh có thể khiến chúng sanh phá tối tăm, sanh sáng suốt, trừ chướng ngại, cởi trói buộc, thoát ly sanh tử ngay lập tức, chúng ba loại bất thoái chuyển, sau khi nghe được, “ngày đêm khen nói”, dùng tâm chí thành nối tiếp nhau không gián đoạn, thì theo ý nguyện, được sanh về nước ấy. Chúng ta luôn sợ tâm này bị gián đoạn, gián đoạn là ma chướng lớn nhất. Với một số việc tốt, chúng ta phải khiến nó được nối tiếp nhau. Chúng ta khó có thể kiên trì, chỉ cần kiên trì đến cuối cùng thì sẽ thành công.

Đoạn nhỏ thứ ba:

“Tùy theo ý nguyện, được sanh về nước ấy.”

Tùy theo ý nguyện của bản thân, có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, cho nên tán thán quang minh cũng có thể vãng sanh.

Sư Vọng Tây giả thiết một câu hỏi: người tu hành ở nhân gian chúng ta, người có thể thấy được quang minh đều rất khó, chúng sanh ở ba đường ác làm sao có thể thấy được?

Ngài trả lời rằng: trong kinh Tâm Địa Quán nói, con cái ở thế gian thỉnh người xuất gia chân chính làm Phật sự cho cha mẹ đã mất, sẽ có luồng quang minh sắc vàng lớn chiếu đến địa ngục, trong quang minh có thể diễn nói pháp vi diệu, có thể khiến cha mẹ đã mất khởi phát tư tưởng tu hành. Người con hiếu thỉnh người tụng kinh còn có thể khởi lên tác dụng như vậy, hướng hồ đức Di-đà có đại nguyện này, chúng sanh địa ngục lẽ nào lại không thấy được quang minh này.

Tóm lại, văn cần phải có nhân duyên. Phật quang là phổ chiếu, nếu không có nhân duyên, thì như điếc như mù. Chúng sanh khó độ, chúng sanh trong địa ngục, Bồ-tát dạy họ niệm Phật, họ nhớ mãi không xong. Bồ-tát liền lấy bút lông viết trên cánh tay của họ, kết quả chữ viết không hiện ra được. Mọi người phải biết, đây đều là do nghiệp lực. Bồ-tát phải cứu độ nhiều lần, họ mới có thể niệm được một chút, nghiệp lực mới có thể tiêu trừ một chút, từ từ mới có thể viết ra được một chút. Hiện nay có rất nhiều chứng minh, xác thực là có địa ngục, không phải là hù dọa người. Có rất nhiều người sau khi thọ giới đã không coi trọng, về sau còn phá giới, bởi vì họ căn bản không tin có địa ngục.

Tôi đã giảng xong kinh văn phẩm thứ mười hai. Tiếp theo, chúng ta cùng nhau ôn lại 12 bài kệ tán thán Phật quang của đại sư Đàm Loan:

1. Vô Lượng Quang

*Trí tuệ quang minh chẳng thể lường
Nên Phật hiệu là Vô Lượng Quang
Các tướng hữu lượng nhờ quang mà tỏ rạng
Vì thế đánh lễ đáng Chân Thật Minh.*

2. Vô Biên Quang

*Vòng sáng giải thoát vô hạn cuộc
Nên Phật lại hiệu Vô Biên Quang
Nhờ quang xúc chạm là có-không
Cho nên đánh lễ đáng Bình Đẳng Giác.*

3. Vô Ngại Quang

*Mây quang vô ngại như hư không
Nên Phật có hiệu Vô Ngại Quang
Hết thấy hữu tình được quang minh thấm nhuần
Cho nên đánh lễ đáng Nan Tư Nghì.*

4. Vô Đẳng Quang

*Quang minh thanh tịnh không gì sánh
Nên Phật có hiệu Vô Đối Quang
Gặp được quang ấy nghiệp đều trừ
Cho nên đánh lễ đáng Tất Cánh Y.*

5. Trí Tuệ Quang

*Phật quang có thể phá vô minh tăm tối
Nên Phật lại hiệu là Trí Tuệ Quang.*

6. Thường Chiếu Quang

*Quang minh chiếu trọn hết thảy thời
Nên Phật còn hiệu Bất Đoạn Quang.*

7. Thanh Tịnh Quang

*Đạo quang rạng ngời sắc siêu tuyệt
Nên Phật hiệu là Thanh Tịnh Quang
Một phen quang chiếu trừ tội cấu
Đều được giải thoát, nên đánh lễ.*

8. Hoan Hỷ Quang

*Từ quang rộng chiếu ban an lạc
Nên Phật lại hiệu Hoan Hỷ Quang.*

9. Giải Thoát Quang

*Phật quang chiếu diệu tột bậc nhất
Nên Phật có hiệu Quang Diễm Vương
Ba cõi tăm tối nhờ quang chiếu
Cho nên đánh lễ đáng Đại Ứng Cúng.*

10. An Ân Quang

*Phật quang chiếu diệu tột bậc nhất
Nên Phật có hiệu Quang Diễm Vương.
Ba cõi tăm tối nhờ quang chiếu
Cho nên đánh lễ đáng Đại Ứng Cúng.*

11. Siêu Nhật Nguyệt Quang

*Quang minh chiếu diệu hơn nhật nguyệt
Nên Phật có hiệu Siêu Nhật Nguyệt Quang.
Phật Thích-ca khen còn không ngớt
Nên con đánh lễ đáng Vô Đẳng Đẳng.*

12. Bất Tư Nghị Quang

*Quang này ngoài Phật chẳng thể lường,
Nên Phật lại hiệu Nan Tư Quang*

*Chư Phật mười phương khen vãng sanh
Xứng với công đức, nên đánh lễ.*

Tiếp theo, tôi sẽ nói về cảm ngộ học tập kinh văn phẩm thứ mười hai:

Cảm ngộ thứ nhất: làm rõ mối quan hệ giữa pháp môn Tịnh độ niệm Phật và kinh Lăng-nghiêm.

Học Phật hơn 20 năm, trong tâm tôi có một nút thắt, mãi vẫn chưa cởi ra được. Nút thắt đó là gì? Chính là tôi tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật, thọ trì bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, hơn 20 năm không đổi đề mục, không rẽ sang hướng khác, tôi đã được lợi ích.

Một người thân thiết và yêu quý nhất của tôi, thọ trì kinh Lăng-nghiêm, ông ấy rất hy vọng tôi thọ trì kinh Lăng-nghiêm, nhưng tôi vẫn chọn bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ. Bởi vì tôi cho rằng điều này khế hợp với căn cơ của tôi, thích hợp với tôi hơn. Ở đây không tồn tại vấn đề bộ kinh nào hay, bộ kinh nào không hay. Học Phật hơn 20 năm, tôi chưa từng phỉ báng bất kỳ tôn giáo nào, bởi vì lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không dạy tôi “tôn giáo trên thế giới là một nhà”; tôi chưa từng phỉ báng bất kỳ pháp môn nào, bởi vì lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không dạy tôi “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”; tôi chưa từng phỉ báng bất kỳ pháp sư giảng kinh thuyết pháp nào, bởi vì lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không dạy tôi “tăng khen tăng, Phật pháp hưng”. Tôi tuân theo lời dạy của thầy không sai lệch, con đường học Phật hơn 20 năm, chính là bước từng bước như vậy mà đi tới, tuy rằng gặp ghềnh gian khổ, nhưng tôi không bị vấp ngã. Nói về nút thắt trong lòng tôi, tôi muốn nói về nhân duyên của tôi và kinh Lăng-nghiêm. Tôi thích kinh Lăng-nghiêm, tôi chỉ có thể dùng từ “thích” này để nói. Khoảng 25 năm trước, tôi đã tự tay chép vài bộ đại kinh, trong đó có kinh Lăng-nghiêm, nếu hỏi tôi tại sao chép kinh? Tôi không biết, chỉ là thích. Tôi thích văn từ ưu mỹ của kinh Lăng-nghiêm, như thơ lại như họa, tình thơ ý họa. Vì thích, tôi mới tự tay chép, nhân duyên chính là như vậy thôi.

Lần học tập kinh văn phẩm thứ mười hai này, chính 12 Quang Phật đã cởi nút thắt trong lòng tôi. Thì ra 12 Quang Phật trong kinh Vô Lượng Thọ chính là 12 Như Lai trong chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng-nghiêm, tuyệt vời, quá tuyệt vời!

Bồ-tát Đại Thế Chí nói trong chương Niệm Phật Viên Thông: “Con nhớ lại thuở xưa, Hằng hà sa kiếp về trước, có đức Phật ra đời, danh hiệu là Vô Lượng Quang. Trong một kiếp có mười hai đức Như Lai nối nhau thành Phật, vị thành

Phật cuối cùng danh hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Đức Phật ấy dạy con niệm Phật tam-muội”. Tuyệt vời, quá đời tuyệt vời!

Tôi là một phàm phu, dùng ngôn ngữ của phàm phu làm sao có thể biểu đạt được cảm ngộ về đoạn này, chúng ta hãy nghe xem lời của tổ đại đức đã nói như thế nào. Tiếp theo, tôi chép ra bốn đoạn lời dạy của đại sư Ấn Quang, xin chia sẻ với các đồng tu:

“Chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng-nghiêm thật là lời khai thị vi diệu nhất về niệm Phật. Chúng sanh nếu quả có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm, lẽ nào chẳng thể hiện tiền và tương lai nhất định thấy Phật, gần là chứng viên thông, xa là thành Phật đạo ư?” (Văn Sao Tục Biên quyển hạ - Lời tựa Tịnh Độ Ngũ Kinh Trùng San)

“Một bộ kinh Lăng-nghiêm quả thực là bộ kinh tuyệt vời để hoằng dương Tịnh độ. Song, người chưa biết pháp môn Tịnh độ, ai ai cũng từ Lăng-nghiêm mà ngược lại khinh thường pháp môn Tịnh độ. Gọi là người nhân thấy nhân, người trí thấy trí, vì bản thân chưa có chánh nhãn, dùng ý của mình mà thể hội ý kinh nên thành ra như thế.” (Văn Sao Tam Biên quyển 2 – Thư trả lời Đông Xá Tây Khách)

“Bộ kinh Lăng-nghiêm, nếu người chưa biết Tịnh độ đọc qua, thì đây là nguyên nhân chính khiến họ đả phá Tịnh độ. Người biết Tịnh độ đọc qua, ắt sẽ là bậc thầy khéo hoằng dương Tịnh độ. Vì sao nói như vậy? Vì tự lực ngộ đạo thì khó, còn vãng sanh Tịnh độ thì dễ. Nhân quả của mười pháp giới, mỗi cái đều rõ ràng. Nếu không nương nhờ Phật lực, dù phá được một hai âm rồi, vẫn có thể bị ma dựa phát cuồng, trở thành hạt giống địa ngục. Hơn nữa, công phu của 24 viên thông, người ngày nay ai có thể tu tập. Duy chỉ có niệm Phật như con nhớ mẹ, phàm là người có tâm, đều có thể phụng hành. Chỉ cần được tịnh niệm tiếp nối thì có thể đích thân chứng tam-muội. Người biết lẽ hay dở đọc qua, lẽ nào vẫn một mực chủ trương tự lực, không dựa vào Phật lực ư? Kẻ không biết hay dở thì ngược lại, bởi họ chỉ muốn làm thông gia, không có tâm muốn liễu sanh tử mà thôi.” (Tăng Quảng Văn Sao quyển 2 – Thư trả lời cư sĩ Vĩnh Gia ... 7)

“Lăng-nghiêm có gì mà không thể nghiên cứu, song cần phải lấy Tịnh độ làm chủ, thì hết thấy kinh đều là kinh làm sáng rõ lợi ích của Tịnh độ. Mở đầu kinh Lăng-nghiêm, xét tâm khó như thế, thì biết chúng sanh đời mạt pháp, nếu vẫn muốn dùng nghiên cứu hòng giải quyết sanh tử, sự hại mình làm người ấy lớn lắm. Huống hồ trong 25 viên thông, đặt Đại Thế Chí lên trước đức Quán Âm,

tức sự chủ trì về Tịnh độ rất lớn. Đến chỗ nêu rõ cảnh giới ngũ ấm ma, người phá được hai ấm ‘sắc’ và ‘thọ’, vẫn còn bị trúng ma, đủ thấy sự khó khăn của liễu sanh tử bằng tự lực, sự dễ dàng của liễu sanh tử bằng Phật lực, nếu có thể nghiên cứu như thế, thì có lợi ích lớn.” (Văn Sao Tam Biên quyển 4 – Thư trả lời cư sĩ Châu Quân Tranh)

Vì sao lại nói nhiều như vậy? Tôi không biết. Vì cảm động mà phát ra hay vì nổi khổ tâm mà nói? Tôi không biết. Các đồng tu hãy tự mình thể ngộ. Cũng giống như thưởng thức trà vậy, luôn sẽ nghiệm ra được chút mùi vị.

Cảm ngộ thứ hai: người niệm A-di-đà Phật chính là A-di-đà Phật.

A-di-đà Phật là danh hiệu của hết thầy chư Phật mười phương, là danh hiệu của hết thầy chư Bồ-tát, là danh hiệu của hết thầy Thanh văn, Duyên giác, cũng là danh hiệu của hết thầy chúng sanh trong pháp giới. Hết thầy, bao gồm tôi, bao gồm họ, cũng bao gồm bạn, bạn ngàn vạn lần đừng tự gạch tên mình ra khỏi vòng.

Chúng ta niệm A-di-đà Phật, không phải là niệm người khác, mà là niệm chính mình. Mười hai Quang Phật đều là danh hiệu của A-di-đà Phật, cũng là danh hiệu của chính chúng ta. Chúng ta niệm 12 Quang Phật cũng là niệm chính mình. Hạ Liên lão nói: “Trong sáu thời mỗi ngày, đừng quên đánh thức chính mình, trong mỗi tiếng Phật hiệu, chỉ quý câu chữ rõ ràng.” Các bạn đã nghe hiểu chưa? Niệm Phật là đang đánh thức chính mình, thức rồi chẳng phải liền thành Phật sao?

Hôm nay viết đến đây, tôi đột nhiên nhớ lại bảy tám năm về trước, một ngày nọ, ông xã của tôi nói với tôi rằng: “Tôi đọc cho bà một bài về lúu lưởi, bà hãy nhớ lấy.” Ông ấy nói thế này:

“Ta là Phật, Phật là ta.

Ta niệm Phật, Phật niệm ta.

Không phải ta niệm Phật, là Phật đang niệm ta.

Không phải Phật niệm ta, cũng không phải ta niệm Phật.

Vậy đó là ai niệm ai, là ta đang niệm ta.

Ta là ai, ai là ta? Ta là A-di-đà, A-di-đà chính là ta.”

Năm đó nghe xong, tôi nói: “Đây gọi là bài về lúu lưởi gì chứ, chỉ ăn nói linh tinh. Ông là A-di-đà sao? A-di-đà ngày nào cũng đái dầm à”? Ông ấy cười, lại nói ra bốn câu:

“Đái dầm tốt, đái dầm màu nhiệm,

Đái dầm cũng là tu đại đạo,
Đái dầm là đang khảo nghiệm bà,
Xem bà chịu đựng được đái dầm hay không!”

Tôi nói: “Thôi đừng tự tô son trát phấn cho mình nữa, còn đái dầm tu đại đạo gì chứ? Tôi chưa nghe nói ai đái dầm mà thành Phật cả.”

Ông xã tôi nói: “Tôi chính là có thể đái dầm mà thành Phật, không tin, bà đợi mà xem.”

Tôi nói: “Được rồi, được rồi, ông là cao nhân, tôi đợi xem ông đái dầm thành Phật.”

Ông ấy nháy mắt với tôi, nói một câu: “Bà chẳng hiểu gì cả.”

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, ông xã tôi biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh, để lại bốn câu nói:

“Di-đà đón Di-đà
Di-đà cười ha ha.
Ai là Di-đà vậy?
Ta chính là Di-đà.”

Trước khi ông xã vãng sanh đã mấy lần thấy Phật, ông ấy nói với Bồ-đề Tâm: “Phật đến rồi, ngài đẹp quá!” Ông ấy đã thực hiện lời hứa của mình, ông ấy thật sự đi làm Phật rồi.

Hôm nay, tôi đem bài về lúu lười ở trước và bốn câu nói phía sau liên kết lại xem, ông xã của tôi thật là người có đại trí tuệ. Ông ấy đã dùng cách thức hài hước dí dỏm để nói với tôi, nói với các đồng tu: người niệm A-di-đà Phật chính là A-di-đà Phật. Cách nói này có căn cứ lý luận: lúc niệm Phật chính là lúc thấy Phật, lúc thấy Phật chính là lúc thành Phật. Chúng ta hãy ghi nhớ lời dạy của Hạ Liên lão, niệm Phật thành Phật nhé.

*Niệm Phật tức là tự tâm hiện
Lúc tự tâm hiện tức niệm Phật
Không niệm là mê, niệm là ngộ
Mê tức không niệm, ngộ tức niệm
Niệm tức thấy Phật, lúc thành Phật
Ba thời cùng lúc không trước sau
Tịnh niệm nối nhau tức là Phật
Toan tính liền ngăn cách ngàn dặm*

*Được nghe phương tiện đặc biệt của Như Lai
Khổ vui rảnh bận chớ ngừng niệm.*

*Phật nói hết thầy pháp
Minh tâm mới thấu tột.
Vào đạo có nhiều cửa
Niệm Phật là đường tắt.*

Cảm ngộ thứ ba: Phật quang của 12 Quang Phật chính là ánh sáng tâm địa của người niệm Phật. Phật quang và tâm quang là một, không phải hai.

Mười hai diệu quang thù thắng của 12 Quang Phật, chiếu sáng rực khắp hết thầy thế giới mười phương. Phật quang này là vô lượng vô biên, là phổ chiếu. “Phổ chiếu” chính là chiếu đến toàn bộ, không sót một thứ nào, chiếu sáng một cách bình đẳng.

Con người cũng có quang minh, cũng phóng quang, quang minh này gọi là quang minh của tâm địa. Có đại đức nói rằng, quang minh tâm địa của một người niệm Phật chân chính có thể chiếu soi trong phạm vi 40 dặm, nơi này sẽ không có tai nạn. Cũng có đại đức nói, một đô thị có một triệu dân, nếu có 100 người niệm Phật chân chính, nơi này liền thái bình vô sự, không có tai nạn. Có người sẽ nói, tìm 100 người niệm Phật trong một triệu người, chẳng phải là việc dễ dàng sao? Tôi nói với bạn, thật sự rất khó. Khó ở đâu? Khó ở hai chữ “chân chính” này, người niệm Phật rất nhiều, nhưng người niệm Phật chân chính thật sự rất khó gặp. Trước đây, đối với pháp môn Tịnh độ niệm Phật là “vạn người tu vạn người đi”, người vãng sanh chỉ có ba đến năm người, thậm chí chỉ có một hai người, đối với cách nói của các đại đức, tôi không hiểu, vì sao lại ra như vậy? Chẳng phải là mâu thuẫn với nhau sao?

Kinh nghiệm học Phật hơn 20 năm, sự thật đã dạy cho tôi, khiến tôi hiểu được lời nói của các đại đức, lời của các ngài một chút cũng không mâu thuẫn, lời của các ngài nói là chân tướng sự thật. Tôi cũng hiểu được lời của lão pháp sư nói với tôi năm xưa là lời chân thật.

Kinh nghiệm học Phật hơn 20 năm, cảm ngộ chân thật của tôi là:

Thật học Phật, thật được lợi ích, thật thành tựu;

Giả học Phật, không được lợi ích, không thành tựu.

Tu hành là tu điều gì? Điều then chốt nhất chẳng phải là tu tâm sao? Quang minh của tâm địa chúng ta vì sao không phát ra được? Bởi vì chúng ta không tu tâm. Tâm không tu, lấy đâu ra quang minh của tâm địa!

Lão cư sĩ Lưu Tố Thanh một ngày trước khi vãng sanh, nói với tôi phải đổi tâm, phải đổi tâm phàm phu thành tâm Phật, tâm Bồ-tát. Tôi không giữ bí mật, đã nói hết cho mọi người rồi. Hiện nay, 12 năm đã trôi qua, có mấy người đã đổi tâm? Hãy hỏi chính mình, bạn đã đổi tâm chưa? Thứ hiện nay đang làm chủ, chẳng phải vẫn là cái tâm phàm phu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, xao động không yên đó sao?

Tu hành vì sao phải coi trọng việc tu tâm?

Tu hành chính là chỉnh sửa ba nghiệp thân, khẩu, ý của chúng ta, mấu chốt là tu tâm, chính là phải tiêu trừ vọng tưởng chấp trước, vì vậy tu hành nên tu đến chỗ khởi tâm động niệm. Đây cũng là điều mà năm xưa đức Phật đã nói lúc ngài ngộ đạo dưới cây bồ-đề: hết thấy chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc.

Phật nói các loại pháp đều là để đối trị cái bệnh cứng đầu là vọng tưởng và chấp trước này. Hết thấy pháp môn đều là để giải quyết vấn đề này. Pháp môn Tịnh độ niệm Phật gọn gàng dứt khoát, nói niệm Phật chính là niệm tâm, tâm này là Phật, tâm này làm Phật, chúng ta niệm Phật chính là “tâm này làm Phật”.

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, đức Phật căn dặn rằng, tu hành là một người chiến đấu với một vạn kẻ địch. Kẻ địch đâu ra mà nhiều vậy? Tám vạn bốn ngàn phiền não chính là tám vạn bốn ngàn kẻ địch, nói một vạn kẻ địch [đó là] còn chưa nói đủ. Huống hồ, những kẻ địch này không phải hôm nay mới có, mà là tập khí phiền não từ vô thủy đến nay. Lực lượng của những kẻ địch này vô cùng lớn mạnh, chúng ta phải hết sức cẩn trọng với chúng.

Lão pháp sư ^{thượng} Tịnh ^{hạ} Không nói: học Phật là tu tâm. Chỉnh sửa hành vi thì dễ, tu tâm khó. Tập khí phiền não của chúng ta từ vô thủy đến nay quá nặng, vọng niệm trước giờ chưa từng gián đoạn. Tâm vừa động liền tạo nghiệp. Trong kinh Địa Tạng nói: chúng sanh cõi Diêm-phù, khởi tâm động niệm không gì không phải là nghiệp, không gì không phải là tội. Cho nên, mau mau chuyển khởi tâm động niệm này thành A-di-đà Phật, chuyển nhiễm nghiệp của chúng ta thành tịnh nghiệp. Bạn biết chuyên, đây chính là tu hành, đây là thật sự tu hành.

Điều chúng ta cần chú ý là: tu hành không phải là tụng kinh, niệm Phật, lạy Phật từ sáng đến tối, không phải ở trên hình thức, đó là làm công phu bề ngoài.

Tu hành chân chính phải làm công phu trên tâm địa, phải hạ công phu ở chỗ khởi tâm động niệm. Ý niệm vừa khởi liền chuyển thành Phật hiệu, điều này gọi là tu từ căn bản. Điều này nói rõ chỗ hạ công phu tu hành là ở đây.

Chúng ta bình thường chú ý đến thân nghiệp, chú ý đến ngữ nghiệp, nói chung đều không chú ý đến ý nghiệp, vì thế thường thỏa mãn với việc thời khóa sớm tối đã hoàn thành xong, cho rằng đây chính là tu hành. Cũng có người cho rằng tham gia vài pháp hội, tu vài Phật thất chính là tu hành. Đương nhiên, không phải nói làm như vậy là không đúng, mà là nói chỉ làm những điều này thôi thì còn lâu mới đủ, bởi vì không nắm bắt được mấu chốt, không tu tâm, không hạ công phu trên tâm địa, cũng chính là nói không hạ công phu ở chỗ khởi tâm động niệm, không sửa đổi được tập khí phiền não nhiều đời nhiều kiếp của chúng ta, không thể tiêu trừ ba độc tham sân si.

Học Phật xem trọng việc hạ công phu trên tâm địa, đổi tâm, sửa tập khí, hạ thủ đúng chỗ rồi thì “quang minh tâm địa” của chúng ta liền phát ra. Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!